

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST

Ngày 20/3/2023

V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Hùng Cường

2. Bà Trần Thị Kim Phượng

- Thư ký phiên toà: Bà Mông Thu Hường - Thư ký viên Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Bà Thiều Khánh Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2022/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022, về việc: Ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 03 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hương L; địa chỉ: SN 09, đường Lý Thường K, tổ 15, phường Trần P, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Năng K; địa chỉ: Tổ 12, phường Trần P, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Hiện đang chấp hành án tại K2 Trại giam Q, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về quan hệ hôn nhân: Theo đơn xin ly hôn ngày 15/10/2022; bản tự khai ngày 15/12/2022 và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Trần Thị Hương L khai, chị và anh Nguyễn Năng K kết hôn ngày 13/03/2017, đăng ký kết hôn tại UBND phường Trần P, thành phố H, tỉnh Hà Giang, trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn

vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh K ham mê cờ bạc, nợ nần dẫn đến vi phạm pháp luật bị xử phạt 07 năm tù, phải đi chấp hành án trong thời gian dài. Một mình chị ở nhà phải lao động và chăm sóc hai con nhỏ, kinh tế gặp nhiều khó khăn. Từ khi anh K đi chấp hành án chị cũng không nhận được sự trợ giúp, hỗ trợ từ phía gia đình nhà chồng đối với chị và hai con của chị, chị không có điều kiện để thăm gặp anh Khánh tại Trại giam nữa. Do tình cảm vợ chồng không còn, nên chị xin được ly hôn với anh K.

- Theo nội dung bản tự khai ngày 22/2/2023 bị đơn, anh Nguyễn Năng K khai: Anh K xác nhận thời gian, địa điểm kết hôn như chị L khai là đúng. Hiện nay, anh đang phải đi chấp hành án phạt tù nên không có điều kiện chăm lo cho gia đình, nhưng anh vẫn còn tình cảm yêu thương chị L và mong muốn các con của anh chị có một gia đình ổn định, nên anh không đồng ý ly hôn với chị L.

- Về con chung:

Chị L khai chị và anh K có hai con chung là cháu Nguyễn Trần Nhã U, sinh ngày 20/09/2017 và cháu Nguyễn Khánh T, sinh ngày 05/11/2019. Ly hôn, chị L xin được là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu U và cháu T, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh K xác nhận, anh và chị L có hai con chung là cháu Nguyễn Trần Nhã U, sinh ngày 20/09/2017 và cháu Nguyễn Khánh T, sinh ngày 05/11/2019. Nếu phải ly hôn anh nhất trí để cho chị L là người nuôi dưỡng hai con chung, do điều kiện anh đang phải chấp hành án nên không cấp dưỡng nuôi con chung được.

- Tài sản chung, công nợ chung: Chị L và anh K đều xác nhận không có.

Quá trình Tòa án giải quyết: Do anh K đang phải chấp hành án tại trại giam Q và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh. Do vậy, Tòa án không thực hiện được việc hòa giải và giải quyết vụ án vắng mặt anh K theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa: Chị L giữ nguyên quan điểm về việc ly hôn và nuôi con chung; tài sản chung, công nợ chung không có.

* Quan điểm của Đại diện VKS thành phố H, tỉnh Hà Giang:

- Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ, thông báo cho Viện Kiểm sát về việc Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, các tài liệu do đương sự cung cấp phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án, đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Hương L được ly hôn với anh Nguyễn Năng K.

Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Hương L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Trần Nhã U sinh ngày 20/09/2017 và cháu Nguyễn Khánh T, sinh ngày 05/11/2019 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền nghĩa vụ chăm sóc con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

Án phí: Chị Trần Thị Hương L phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Hương L và anh Nguyễn Năng K có địa chỉ: Tổ 12, phường Trần P, TP.H, tỉnh Hà Giang theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. H, tỉnh Hà Giang.

[2]. Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình các đương sự yêu cầu giải quyết về Ly hôn, nuôi con chung. Như vậy, đủ căn cứ xác định quan hệ tranh chấp là Ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3]. Về nội dung vụ án: Chị Trần Thị Hương L khai và anh Nguyễn Năng K kết hôn ngày 13/03/2017, đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang, trên cơ sở tự nguyện. Như vậy, hôn nhân giữa chị L và anh K là hợp pháp. Lý do chị Lan xin ly hôn: Quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh K không chịu khó làm ăn và chơi lô đề cờ bạc, dẫn đến hành vi vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án tại trại giam, nên chị L xin được ly hôn với anh K.

[4]. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Hương L là phù hợp bởi lẽ: Quá trình chung sống chị L và anh K đã để xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân anh K vi phạm pháp luật dẫn đến việc phải đi chấp hành án phạt tù trong thời gian dài, nên không giúp đỡ được chị L trong công việc gia đình, phát triển kinh tế, nuôi dạy con chung. Từ đó làm cho tình cảm vợ chồng của anh, chị bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Tuy anh K khẳng định anh vẫn còn tình cảm với chị L và không nhất trí ly

hôn, nhưng hiện tại anh K đang phải chấp hành án nên không có điều kiện khắc phục mâu thuẫn, cải thiện tình cảm vợ chồng. Theo quy định tại Điều 19- Luật Hôn nhân và Gia đình có quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...”, nhưng quan hệ hôn nhân của hai anh chị không đáp ứng được theo quy định của pháp luật, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Căn cứ biên bản làm việc ngày 23/02/2023 tại cơ quan Quản lý Nhà nước về gia đình và trẻ em đã xác định được cuộc hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, nếu cứ tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì cuộc sống chung của anh, chị cũng không có hạnh phúc, mục đích cuộc hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp với quy định tại điều 56 - Luật HN&GD, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh K.

[5]. Về con chung: Chị L và anh K có hai con chung là cháu Nguyễn Trần Nhã U, sinh ngày 20/09/2017 và cháu Nguyễn Khánh T, sinh ngày 05/11/2019. Ly hôn, chị L xin được là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu U và cháu T đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh Khánh cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ biên bản làm việc ngày 23/02/2023 tại cơ quan Quản lý Nhà nước về gia đình và trẻ em và xét đề nghị của chị Lan về việc xin nuôi con là phù hợp với điều kiện thực tế, do anh K đang phải đi chấp hành án nên không thể có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và nhất trí giao con cho chị L nuôi dưỡng. Do đó, cần giao cháu U và cháu T cho chị L nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không đề nghị anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên HĐXX không giải quyết.

[7]. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

[8]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án, chị Lan phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; căn cứ vào Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Hương L về việc xin Ly hôn, nuôi con chung.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Hương L được ly hôn anh Nguyễn Năng K.

3. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Hương L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Trần Nhã U, sinh ngày 20/09/2017 và cháu Nguyễn Khánh T, sinh ngày 05/11/2019 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Năng K không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền nghĩa vụ chăm sóc con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

4. Tài sản chung, công nợ chung: Không có.

5. Về Án phí: Chị Trần Thị Hương L phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn 300.000đ được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang biên lai số 0000814 ngày 30 tháng 11 năm 2022.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh HG;
- VKSND TP. H;
- Các đương sự;
- CC THADS TP. H;
- UBND phường P, TP H tỉnh Hà Giang;
- Lưu HS;
- Lưu bộ phận.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lê Thị Thanh Bình